TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/DS-ST
Ngày: 11-5-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quang Mẫn.

Ông Nguyễn Tiến Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khánh Hoàng – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 752/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1099/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1751/2021/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.
Địa chỉ trụ sở: Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Nguyên H, sinh năm 1977 (Có mặt); Địa chỉ: Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số: 468/2020/UQ-CNPL ngày 26 tháng 8 năm 2020).

Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1971 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Nguyên H trình bày:

Ngày 03 tháng 11 năm 2011, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần PN – Chi nhánh Minh Phụng (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần B – Chi

nhánh Phú Lâm) và bị đơn bà Trần Thị X ký kết tín dụng Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011, số tiền vay 100.000.000 đồng; Thời hạn vay 12 tháng; Thời điểm trả hết nợ là ngày 03 tháng 11 năm 2012; Biện pháp bảo đảm: tín chấp.

Trong quá trình vay, từ ngày giải ngân đầu tiên đến nay bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh và vốn gốc. Nguyên đơn đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời nguyên đơn cũng tạo điều kiện về mọi mặt thời gian để bị đơn trả nợ, tuy nhiên bị đơn vẫn không thanh toán, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011. Đến ngày 04 tháng 11 năm 2012, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 11 tháng 5 năm 2021 là 418.788.333 đồng, gồm: Nợ gốc 100.000.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày 03 tháng 11 năm 2011 đến ngày 03 tháng 11 năm 2012 với mức lãi suất 1,9%/tháng (22,8%/năm) là 23.243.333 đồng; lãi quá hạn từ ngày 04 tháng 11 năm 2012 đến ngày 11 tháng 5 năm 2021 với mức lãi suất quá hạn 2,85%/tháng (bằng 150% lãi suất trong hạn) là 295.545.000 đồng. Bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Trần Thị X có địa chỉ cư trú tại Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm của mình, cũng như không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc 100.000.000 đồng.

[5] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011, giấy cam kết ngày 03 tháng 11 năm 2011, lệnh giải ngân, phiếu chi ngày 04 tháng 11 năm 2011, Quyết định số 1844/QĐ-NHNN ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sáp nhập Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Nam vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần B, có cơ sở xác định nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2011 đến ngày 03 tháng 11 năm 2012. Nguyên đơn đã giải ngân và bị đơn ký xác nhận đã nhận được số tiền nêu trên.

[6] Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đều thông báo chi tiết nợ gốc, khoản lãi phát sinh, thời hạn thanh toán cho bị đơn và bị đơn không khiếu nại về vấn đề này. Tuy nhiên, cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc và lãi. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 04 tháng 11 năm 2012, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận của hợp đồng và phù hợp quy định tại Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán nợ gốc 100.000.000 đồng.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi trong hạn 23.243.333 đồng, lãi quá hạn 295.545.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng:

[8] Nguyên đơn xác định mức lãi suất cho vay hiện nay vẫn giữ nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011, cụ thể: Lãi suất trong hạn là 1,9 %/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 2,85%/tháng.

[9] Theo quy định tại khoản 14 Điều 4 và khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức theo quy định của pháp luật. Mức lãi suất của

nguyên đơn thỏa thuận với bị đơn phù hợp với các quy định của pháp luật. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán lãi trong hạn từ ngày 03 tháng 11 năm 2011 đến ngày 03 tháng 11 năm 2012 là 23.243.333 đồng, lãi quá hạn từ ngày 04 tháng 11 năm 2012 đến ngày 11 tháng 5 năm 2021 là 295.545.000 đồng. Bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên nợ gốc từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho đến khi thanh toán hết nợ theo các Điều 3, 4 của Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011.

[10] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 14 Điều 4, khoản 2 Điều 91 và khoản 1 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tổng số tiền tính đến ngày 11 tháng 5 năm 2021 là 418.788.333 đồng, gồm: Nợ gốc 100.000.000 đồng, lãi trong hạn 23.243.333 đồng, lãi quá hạn 295.545.000 đồng của Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011.

2. Về án phí: Bà Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.751.533 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B 12.237.270 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai số AA/2019/0030176 ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 095/10/11 ngày 03 tháng 11 năm 2011 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 1;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ